



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019.

Số: /SCIEC - CBTT

(V/v: Báo cáo tài chính quý năm 2018 soát
xét)

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải - Giám đốc công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2018 soát xét của Công ty CP
SCI E&C được lập ngày 18/03/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả
kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<http://scigroup.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phan Thanh Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019.

Số: /SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ SCI E&C

Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần SCI E&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	1.014.329.890.716	873.864.639.672	16,2
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	20.990.748.283	15.337.144.104	36,8

Nguyên nhân :

Doanh thu tăng đồng thời tiết giảm được chi phí quản lý và giá vốn hàng bán ổn định so với cùng kỳ năm 2017 đây là nguyên nhân chính dẫn đến LNST năm 2018 tăng 36,8% so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT,
TCHC.



Phan Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-40

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chính Đại	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/12/2018
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/11/2018
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/12/2018
Ông Triệu Quang Hà	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 06/12/2018

Ban Giám đốc

Ông Phan Thanh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2018
Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/05/2018
Ông Lê Văn Bảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Hoàng Công Tuấn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	
Ông Phan Thanh Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/05/2018

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Chính Đại	Trưởng ban	Thành lập và bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Chính Đại	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Trần Kim Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Thiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
Ông Đồng Quang Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 323/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2014-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		754.750.907.176	578.606.245.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	66.177.086.019	32.166.855.093
1. Tiền	111		56.177.086.019	32.166.855.093
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	250.000.000	250.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370.025.584.755	297.188.763.503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	292.237.446.195	244.383.278.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	67.873.989.763	46.845.642.188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	17.405.270.320	11.516.309.971
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.491.121.523)	(5.556.467.020)
IV. Hàng tồn kho	140	11	301.610.169.502	242.139.840.732
1. Hàng tồn kho	141		301.610.169.502	242.139.840.732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.688.066.900	6.860.785.689
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	44.312.933	1.177.610.418
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.597.197.914	5.587.038.892
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	46.556.053	96.136.379
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.287.031.885	168.504.656.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		147.500.000	147.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	147.500.000	147.500.000
II. Tài sản cố định	220		151.657.734.527	146.817.340.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	151.575.234.531	146.817.340.515
- Nguyên giá	222		257.096.004.259	224.969.582.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.520.769.728)	(78.152.241.641)
2. Tài sản cố định vô hình	227		82.499.996	-
- Nguyên giá	228		110.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.500.004)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.886.054.547	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.886.054.547	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	22.520.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		22.520.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.075.742.811	1.539.816.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.075.742.811	1.539.816.123
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		942.037.939.061	747.110.901.655

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		784.925.959.741	610.088.184.854
I. Nợ ngắn hạn	310		743.118.117.342	570.013.231.227
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	183.650.646.046	171.517.508.508
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	248.078.460.920	120.564.091.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.218.563.586	1.479.574.325
4. Phải trả người lao động	314		24.968.111.291	29.863.324.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.024.318.952	40.154.820.654
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	26.568.339.390	6.974.572.152
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	249.001.383.916	198.306.046.320
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.608.293.241	1.153.292.477
II. Nợ dài hạn	330		41.807.842.399	40.074.953.627
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	41.807.842.399	40.074.953.627
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.111.979.320	137.022.716.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	157.111.979.320	137.022.716.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.999.950.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.999.950.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	7.304.985.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.551.471.779	29.717.730.876
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.560.723.496	14.380.586.772
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.990.748.283	15.337.144.104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		942.037.939.061	747.110.901.655


Quách Thị Thanh Thủy
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.014.329.890.716	873.864.639.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.014.329.890.716	873.864.639.672
4. Giá vốn hàng bán	11	23	941.017.047.538	804.117.863.627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		73.312.843.178	69.746.776.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.469.529.593	2.584.927.869
7. Chi phí tài chính	22	25	23.288.585.124	22.977.665.591
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.118.893.339	22.904.498.956
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	28.789.927.315	29.956.386.675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		25.703.860.332	19.397.651.648
11. Thu nhập khác	31	27	808.753.930	137.747.903
12. Chi phí khác	32	28	224.259.342	320.270.390
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		584.494.588	(182.522.487)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.288.354.920	19.215.129.161
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	5.297.606.637	3.877.985.057
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.990.748.283	15.337.144.104
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.009	1.534

Quách Thị Thanh Thủy
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**(Theo phương pháp gián tiếp)***MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.288.354.920	19.215.129.161
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		28.853.625.314	22.142.288.761
- Các khoản dự phòng	03		1.934.654.503	(139.297.128)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(18.035.433)	(1.309.624)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.680.286.514)	(2.464.653.874)
- Chi phí lãi vay	06		23.118.893.339	22.904.498.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76.497.206.129	61.656.656.252
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85.637.073.227)	(122.307.593.980)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(59.470.328.770)	(66.881.201.568)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		119.035.443.103	157.525.747.712
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.597.370.797	5.378.882.540
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.141.230.962)	(22.897.854.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.587.785.057)	(2.650.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(196.200.000)	(589.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.097.402.013	9.235.236.123
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(46.045.203.922)	(30.574.416.342)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		498.907.500	240.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.520.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.551.527.839	2.492.730.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.514.768.583)	(27.841.685.660)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		905.718.835.627	694.993.721.437
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(853.290.609.259)	(698.623.282.670)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.428.226.368	(8.629.561.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		34.010.859.798	(27.236.010.770)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		32.166.855.093	59.401.556.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(628.872)	1.309.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>66.177.086.019</u>	<u>32.166.855.093</u>



Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 25/05/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 109.999.950.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 109.999.950.000 đồng; tương đương 10.999.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên chi nhánh	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng	Xây lắp

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.883.108.954	1.089.170.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.293.977.065	31.077.684.915
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	66.177.086.019	32.166.855.093

Tại 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,9%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	22.520.000.000	22.520.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu (*)	22.520.000.000	22.520.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	22.770.000.000	22.770.000.000	20.250.000.000	20.250.000.000

(*) Bao gồm:

- Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 20 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB.
- Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), số lượng 252 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	49.904.463.390	26.448.963.216
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.639.368.483	11.463.713.231
Công ty TNHH SCI Nghệ An	14.980.841.084	22.395.438.560
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	67.107.390.015	125.928.923.363
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	1.819.890.145	16.013.291.948
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX	121.039.547.059	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	30.745.946.019	42.132.948.046
	292.237.446.195	244.383.278.364
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>	64.885.304.474	48.844.401.776

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH GUANGZHOU YAOHUANG	-	-	2.093.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	4.887.337.816	-	6.664.839.248	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	2.470.599.999	-	8.379.148.864	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	5.726.516.118	-	15.201.732.497	-
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	13.565.200.000	-	-	-
Công ty CP TS INVEST	7.963.717.340	-	-	-
Công ty CP ATZ ASIA	6.362.289.666	-	434.507.200	-
GCL SYSTEM INTEGRATION TECHNOLOGY PTE.LTD	13.162.958.447	-	-	-
VOITH HYDRO PRIVATE LIMITED	2.063.910.703	-	-	-
Trả trước khác	11.671.459.674	-	14.072.414.379	-
	67.873.989.763	-	46.845.642.188	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.124.292.335	-	1.029.311.111	-
Phải thu người lao động	1.754.602.644	-	1.154.106.227	-
Tạm ứng	7.698.007.370	-	4.416.736.716	-
Ký cược, ký quỹ	3.500.000	-	3.500.000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	3.345.213.800	-	2.607.389.570	-
Công ty Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Phải thu khác	2.181.504.171	(383.541.210)	1.007.116.347	(383.541.210)
	17.405.270.320	(383.541.210)	11.516.309.971	(383.541.210)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	147.500.000	-	147.500.000	-
	147.500.000	-	147.500.000	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam	6.248.083.094	1.874.424.928	6.248.083.094	3.124.041.547
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.027.556.827	3.425.189.422	1.712.594.711
- Các khoản khác	719.830.762	-	719.830.762	-
	10.393.103.278	2.901.981.755	10.393.103.278	4.836.636.258

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.989.780.454	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	49.568.035.260	-	21.543.174.153	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	247.052.353.788	-	220.596.666.579	-
	301.610.169.502	-	242.139.840.732	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	11.221.128.927	142.116.620.172	71.044.200.686	587.632.371	-	224.969.582.156
Mua sắm	-	30.563.762.103	3.261.187.272	88.200.000	136.000.000	34.049.149.375
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.922.727.272)	-	-	-	(1.922.727.272)
Tại ngày 31/12/2018	11.221.128.927	170.757.655.003	74.305.387.958	675.832.371	136.000.000	257.096.004.259
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2018	6.798.165.240	44.692.669.217	26.273.437.799	387.969.385	-	78.152.241.641
Trích khấu hao	278.835.897	18.499.970.185	9.952.624.012	90.161.884	4.533.332	28.826.125.310
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.457.597.223)	-	-	-	(1.457.597.223)
Tại ngày 31/12/2018	7.077.001.137	61.735.042.179	36.226.061.811	478.131.269	4.533.332	105.520.769.728
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	4.422.963.687	97.423.950.955	44.770.762.887	199.662.986	-	146.817.340.515
Tại ngày 31/12/2018	4.144.127.790	109.022.612.824	38.079.326.147	197.701.102	131.466.668	151.575.234.531

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 129.854.851.644 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.637.697.996 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.865.278	792.255.376
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.447.655	385.355.042
	<u>44.312.933</u>	<u>1.177.610.418</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	848.674.088	1.223.887.093
Chi phí sửa chữa văn phòng	28.953.305	139.307.072
Chi phí nhà xưởng đúc cọc Long Phú	-	176.621.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	198.115.418	-
	<u>1.075.742.811</u>	<u>1.539.816.123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***14 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP SCI	16.150.533.357	16.150.533.357	13.024.751.085	13.024.751.085
Công ty CP DVC Việt Nam	9.632.822.297	9.632.822.297	12.605.286.378	12.605.286.378
Công ty TNHH DONARCO	98.442.300	98.442.300	16.058.148.425	16.058.148.425
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	7.625.390.000	7.625.390.000	17.810.692.800	17.810.692.800
Công ty TNHH Phát triển CN Tân Hoàng Mai	5.423.949.334	5.423.949.334	11.095.369.161	11.095.369.161
VOITH HYDRO PRIVATE CO Ltd	10.704.816.303	10.704.816.303	11.512.148.442	11.512.148.442
Công ty TNHH PETRO Lào	-	-	14.159.040.009	14.159.040.009
FUJIAN ANTAI NEW ENERGY TECH CO.,LTD	4.625.880.401	4.625.880.401	-	-
FURUKAWA ROCK DRILL CO.,LTD	10.213.681.600	10.213.681.600	-	-
GCL SYSTEM INTEGRATION TECHNOLOGY PTE.LTD	29.330.130.544	29.330.130.544	-	-
Công ty TNHH XD Sơn Hải	8.955.390.373	8.955.390.373	-	-
Các khoản phải trả khác	80.889.609.537	80.889.609.537	75.252.072.208	75.252.072.208
	183.650.646.046	183.650.646.046	171.517.508.508	171.517.508.508

d) Phải trả người bán là các bên liên quan

	16.569.633.569	16.569.633.569	13.616.924.599	13.616.924.599
--	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	17.806.239.748	54.398.244.034
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	51.491.395.261
Công ty CP SCI Lai Châu	-	12.500.000.000
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX (CĐT Ninh Thuận)	219.300.578.059	-
BQL DA điện lực dầu khí Long Phú 1	6.182.280.540	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	4.651.862.573	-
Khách hàng khác	137.500.000	2.174.452.680
	<u><u>248.078.460.920</u></u>	<u><u>120.564.091.975</u></u>
b) Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>	<u><u>-</u></u>	<u><u>63.991.395.261</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.120.846	-	99.265.355.127	99.258.234.281	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	168.409.225	168.409.225	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.175.121.336	5.297.606.637	2.587.785.057	-	-	-	-	3.884.942.916	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	259.657.939	1.411.556.155	1.382.388.474	-	-	-	-	288.825.620	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	89.015.533	-	42.459.480	-	-	-	46.556.053	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	-	-	-	5.190.507	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	39.604.543	-
	96.136.379	1.479.574.325	106.185.386.624	103.396.817.037	46.556.053	46.556.053	4.218.563.586			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	356.813.833	248.318.122
Trích trước chi phí các công trình	4.667.505.119	39.906.502.532
	<u>5.024.318.952</u>	<u>40.154.820.654</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	534.733.222	432.816.249
Bảo hiểm xã hội	-	3.461.470
Bảo hiểm thất nghiệp	177.052	-
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	19.101.650.971	4.306.819.108
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	338.671.454	1.280.598.517
Phải trả lãi vay	-	130.833.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.593.106.691	820.043.474
	<u>26.568.339.390</u>	<u>6.974.572.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	182.297.878.260	182.297.878.260	873.939.898.098	830.207.069.834	226.030.706.524	226.030.706.524
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	144.041.428.661	144.041.428.661	813.572.099.910	761.221.463.986	196.392.064.585	196.392.064.585
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	24.256.449.599	24.256.449.599	32.867.798.188	48.485.605.848	8.638.641.939	8.638.641.939
- Công ty CP DVC Việt Nam ⁽³⁾	14.000.000.000	14.000.000.000	7.000.000.000	-	21.000.000.000	21.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	20.500.000.000	20.500.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.008.168.060	16.008.168.060	30.046.048.757	23.083.539.425	22.970.677.392	22.970.677.392
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.360.250.000	3.360.250.000	4.947.717.500	3.938.593.500	4.369.374.000	4.369.374.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	12.647.918.060	12.647.918.060	23.748.331.257	18.694.945.925	17.701.303.392	17.701.303.392
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	-	1.350.000.000	450.000.000	900.000.000	900.000.000
	198.306.046.320	198.306.046.320	903.985.946.855	853.290.609.259	249.001.383.916	249.001.383.916
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	32.236.985.940	32.236.985.940	21.559.736.229	23.748.331.257	30.048.390.912	30.048.390.912
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	7.837.967.687	7.837.967.687	5.783.435.000	4.947.717.500	8.673.685.187	8.673.685.187
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	-	-	4.435.766.300	1.350.000.000	3.085.766.300	3.085.766.300
	40.074.953.627	40.074.953.627	31.778.937.529	30.046.048.757	41.807.842.399	41.807.842.399

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTĐHM ngày 07/05/2018	700.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/05/2019	196.392.064.585 194.526.882.930	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTĐHM ngày 07/05/2018 - Vay 79.879,30 USD	79.879,3 USD	Lãi suất cố định là 5,2%/năm	Thanh toán mua thiết bị nhập khẩu	8 tháng kể từ ngày 29/11/2018	1.865.181.655	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 18153/HMCV/HĐTĐ.DAH ngày 14/09/18	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng đến 14/09/2019	8.638.641.939 8.638.641.939	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/		Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
		Số tiền vay	Số tiền vay					
3	Công ty Cổ phần DVC Việt Nam						21.000.000.000	
	Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2017 ngày 04/07/2017	10.000.000.000		Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	10.000.000.000	Tín chấp
	Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2017 ngày 19/09/2017	4.000.000.000		Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	4.000.000.000	Tín chấp
	Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐTD ngày 20/06/18	7.000.000.000		Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	7.000.000.000	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay		Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây						47.749.694.304	
	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HHTD ngày 18/12/2014	6.195.600.000		Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	1.470.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HHTD ngày 11/08/2015	11.470.014.114		Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.060.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HHTD ngày 28/09/2015	3.111.500.000		Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	637.028.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HHTD ngày 31/08/2016	8.075.200.000		Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.295.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HHTD ngày 14/10/2016	4.235.000.000		Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	2.310.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HHTD ngày 03/11/2016	13.571.293.400		Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.105.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (tiếp)						
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HHTD ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.648.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HHTD ngày 16/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	324.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HHTD ngày 07/11/2017	20.847.629.925	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	16.528.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HHTD ngày 12/06/2018	17.278.800.000	Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	4.672.666.304	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HHTD ngày 27/03/2018	8.500.000.000	Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	2.699.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay		Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Anh						13.043.059.187	
	Hợp đồng vay số 15189/TH/HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Somi Romóoc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	310.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay	
	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	7.527.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay	
	Hợp đồng vay số 17293/TH/HĐTD.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/ năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	5.205.091.500	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội						3.985.766.300	
	Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	9.500.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.052.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	
	Phụ lục 01 Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	4.435.766.300	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	933.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2017				
Tại ngày 01/01/2017	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	15.337.144.104	15.337.144.104
Chia cổ tức năm trước	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	554.244.884	(849.842.156)	(295.597.272)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801
Năm 2018				
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	20.990.748.283	20.990.748.283
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	9.999.950.000	-	(9.999.950.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	2.255.571.616	(2.857.057.380)	(601.485.764)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	109.999.950.000	9.560.557.541	37.551.471.779	157.111.979.320

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-SCI E&C-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	15.037.144.104
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	2.255.571.616
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,00%	601.485.764
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ)	66,50%	9.999.950.000
Lợi nhuận chưa phân phối	14,50%	2.180.136.724

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2018 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2018 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	60,50%	66.550.000.000	60,50%	60.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,50%	43.449.950.000	39,50%	39.500.000.000
	100%	109.999.950.000	100%	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	109.999.950.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>9.999.950.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>109.999.950.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.999.950.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>9.999.950.000</i>	<i>5.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.999.995	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.999.995	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.999.995</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.999.995	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.999.995</i>	<i>10.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	7.304.985.925
	9.560.557.541	7.304.985.925

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
Đồng đô la Mỹ (USD)	404,91	440,46

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	45.429.988.570	28.117.343.483
Doanh thu hợp đồng xây dựng	968.899.902.146	845.747.296.189
	1.014.329.890.716	873.864.639.672
Doanh thu đối với các bên liên quan	378.869.003.198	448.768.860.104

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	44.771.902.788	26.270.370.539
Giá vốn hợp đồng xây dựng	896.245.144.750	777.868.530.620
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(21.037.532)
	941.017.047.538	804.117.863.627

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.646.509.063	2.460.375.126
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	804.985.097	123.243.119
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.035.433	1.309.624
	4.469.529.593	2.584.927.869

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.118.893.339	22.904.498.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	169.041.785	73.166.635
Chi phí tài chính khác	650.000	-
	23.288.585.124	22.977.665.591

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.872.494.547	3.627.148.340
Chi phí nhân công	14.270.713.991	13.483.942.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.210.909	1.044.112.599
Thuế, phí, lệ phí	2.195.770.750	927.094.942
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.934.654.503	(118.259.596)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.855.482.752	6.412.620.855
Chi phí khác bằng tiền	2.837.599.863	4.579.726.736
	28.789.927.315	29.956.386.675

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	33.777.451	4.278.748
Tiền bồi thường thu được	772.815.679	-
Thu nhập khác	2.160.800	133.469.155
	808.753.930	137.747.903

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	221.789.801	64.431.345
Chi phí khác	2.469.541	255.839.045
	224.259.342	320.270.390

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.288.354.920	19.215.129.161
Các khoản điều chỉnh tăng	199.678.265	174.796.122
- Chi phí không hợp lệ	199.678.265	174.796.122
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	26.488.033.185	19.389.925.283
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.297.606.637	3.877.985.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.175.121.336	(52.863.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.587.785.057)	(2.650.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.884.942.916	1.175.121.336

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	20.990.748.283	15.337.144.104
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.990.748.283	15.337.144.104
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.450.547	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.009	1.534

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	536.819.533.268	352.117.677.618
Chi phí nhân công	171.211.523.850	90.788.048.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.826.125.310	22.142.288.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.139.592.302	253.856.455.177
Chi phí khác bằng tiền	57.265.887.332	185.085.103.589
	996.262.662.062	903.989.573.826

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.177.086.019	-	32.166.855.093	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	309.790.216.515	(7.491.121.523)	256.047.088.335	(5.556.467.020)
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	22.520.000.000	-	20.000.000.000	-
	398.737.302.534	(7.491.121.523)	308.463.943.428	(5.556.467.020)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	290.809.226.315	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác	210.218.985.436	178.492.080.660
Chi phí phải trả	5.024.318.952	40.154.820.654
	506.052.530.703	457.027.901.261

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.177.086.019	-	-	66.177.086.019
Phải thu khách hàng, phải thu khác	302.151.594.992	147.500.000	-	302.299.094.992
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	22.520.000.000	-	22.520.000.000
	368.578.681.011	22.667.500.000	-	391.246.181.011
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.166.855.093	-	-	32.166.855.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	250.343.121.315	147.500.000	-	250.490.621.315
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	282.759.976.408	20.147.500.000	-	302.907.476.408

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	249.001.383.916	41.807.842.399	-	290.809.226.315
Phải trả người bán, phải trả khác	210.218.985.436	-	-	210.218.985.436
Chi phí phải trả	5.024.318.952	-	-	5.024.318.952
	464.244.688.304	41.807.842.399	-	506.052.530.703
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	198.306.046.320	40.074.953.627	-	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác	178.492.080.660	-	-	178.492.080.660
Chi phí phải trả	40.154.820.654	-	-	40.154.820.654
	416.952.947.634	40.074.953.627	-	457.027.901.261

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.341.393.615	163.988.497.101	1.014.329.890.716
Tài sản bộ phận	806.460.577.183	135.577.361.878	942.037.939.061
Tổng chi phí mua TSCĐ	46.045.203.922	-	46.045.203.922

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	145.412.960.328	132.324.501.131
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	233.456.042.870	316.444.358.973
Công ty CP tư vấn SCI	Công ty con	693.349	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	8.293.835.606	9.889.542.789
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	1.287.489.237	1.018.447.885
Công ty CP tư vấn SCI	Công ty con	104.167.156	784.923.753

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	49.904.463.390	26.448.963.216
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	14.980.841.084	22.395.438.560
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	16.150.533.357	13.024.751.085
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	265.095.351	571.744.128
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	154.004.861	20.429.386
Người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	-	51.491.395.261
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con cùng Tập đoàn	-	12.500.000.000
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	5.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.398.011.833	2.732.527.316

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Quách Thị Thanh Thủy
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

